TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – PT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa;

2. Ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên toà ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Khiếu Thị H, Sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 25, xã HC, huyện TB, tỉnh PT (Nay là xã TB, tỉnh PT); Nơi ở hiện nay: Thôn Hậu Thạch, xã VT, huyện BV, thành phố HN. Nay là xã CĐ, thành phố HN.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L**,** Sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu 25, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã TB, tỉnh PT.

(Chị H, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Khiếu Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng S sống tại xã TB, tỉnh PT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 tháng thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị H xác định tình

cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị H và anh L, không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn L*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh L nhưng anh L không đến Toà án để giải quyết. Toà án đã tiến hành lấy lời khai của bà Đỗ Thị S là mẹ đẻ của anh L, xác định: Anh L và chị H đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn anh L và chị H S sống cùng bà S tại xã TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống bà S thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 16/10/2024, chị H đã xin phép bà S và anh L về nhà bố mẹ đẻ chị H ở xã CĐ, thành phố HN. Từ đó đến nay chị H không về chung sống cùng anh L nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh L, bà S không mong muốn chị H và anh L ly hôn. Anh L có nói với bà S về quan điểm của anh L là không muốn ly hôn với chị H, chị H muốn giải quyết ly hôn là việc của chị H. Do bận công việc nên anh L không đến Toà án để giải quyết việc chị H xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2025, anh L trình bày: Anh L và chị H được tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng S sống tại xã TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 10 năm 2024, chị H tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã CĐ, thành phố HN và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không thể hàn gắn nên anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh L và chị H, không có con chung;

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Anh L xác nhận đã được nhận các văn bản tố tụng của Toà án thông qua mẹ đẻ anh là bà Đỗ Thị S nhưng do công việc ở xa nên đến nay mới đến Toà án để trình bày quan điểm. Do anh L và chị H ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa nên anh L đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến*: Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khiếu Thị H:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Khiếu Thị H và anh Nguyễn Văn L.

- *Về con chung*: Không có nên không đặt ra giải quyết.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn giữa chị Khiếu Thị H và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh L có nơi cư trú tại xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị H anh L đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải; Chị H và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn nhau ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã TB, tỉnh PT, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh L hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Vợ chồng đã sống ly và không còn quan tâm đến nhau nữa; không còn thực hiện nghĩa vụ tH yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh L đều xác định vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và xin được tự nguyện ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị H và anh L không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác*: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Khiếu Thị H và anh Nguyễn Văn L.

[3]. *Về con chung*: Không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Chị Khiếu Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Khiếu Thị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002027 ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh PT). Trả lại cho chị H 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),*tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND khu vực 3-PT;
- THADS tỉnh PT;
- Các đương sự;
- UBND xã TB, tỉnh PT;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến